

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường X, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi và anh Phạm Minh T quen biết nhau, tìm hiểu nhau thời gian ngắn rồi kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2018 ngày 05/4/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ghen tuông, cho rằng tôi quen với người đàn ông khác rồi kiếm chuyện chửi bới, đánh tôi nhiều lần. Gia đình hai bên

có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Chúng tôi sống ly thân hơn 03 tháng nay, tôi sống ở Thành phố Hồ Chí Minh còn anh T thì về quê ở xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang sống cùng gia đình. Từ khi ly thân đến nay chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm gia đình không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/2020, ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chỉ H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chỉ H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chỉ Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chỉ H, anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Minh T có nơi cư trú tại xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chỉ H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2018 ngày 05/4/2018 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chỉ H trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh T là do anh T ghen tuông, cho rằng chị quen với người đàn ông khác rồi kiếm chuyện chửi bới, đánh chị nhiều lần. Chỉ H và anh T đã ly thân hơn 03 tháng nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không còn liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chỉ H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chỉ H và anh T đã ly thân hơn 03 tháng nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm gia đình, điều

đó chứng tỏ anh Tvà chị Hđã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Hlà có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị Hvà anh Tcó một con chung là cháu Phạm Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/2020. Từ khi anh Tvà chị Hly thân đến nay cháu Tú do chị Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Tú sinh ngày 19/01/2020 hiện nay 31 tháng tuổi nên cần tiếp tục giao cho chị Htrực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Hkhông yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào có yêu cầu Tòa án giải quyết thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị Hvà anh Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/2020 cho chị Htrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hchưa yêu cầu.

Anh Phạm Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Hđã nộp theo biên

lai thu số 0016480 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**